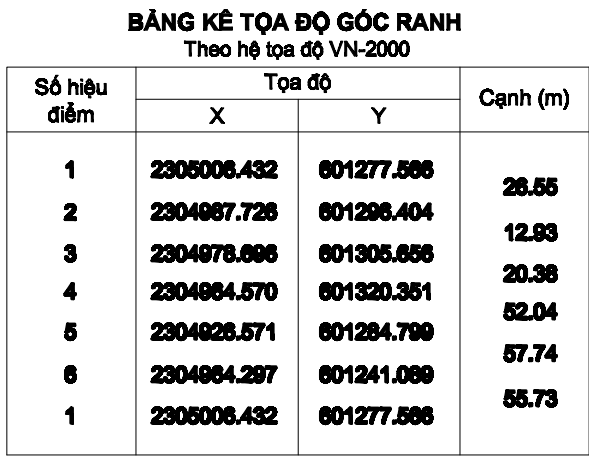




| BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT                      |                                                                 |                             |               |
|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------|
| STT                                            | Loại đất                                                        | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ (%)     |
| A                                              | <b>ĐẤT XÂY DỰNG DỰ ÁN</b>                                       | <b>3026,80</b>              | <b>100,00</b> |
| I                                              | Đất xây dựng công trình                                         | 154,20                      | 38,13         |
| II                                             | Đất xây dựng kết hợp thể dục thể thao                           | 980,20                      | 32,38         |
| III                                            | Đất giao thông nội bộ, sân tennis                               | 892,40                      | 29,48         |
| B                                              | <b>ĐẤT GIAO THÔNG ĐỐI NGOÀI<br/>(VIA HẸM ĐƯỜNG YU HOACH MỞ)</b> | 132,20                      |               |
| <b>Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch</b> |                                                                 | <b>3159,00</b>              |               |

**DIỆN TÍCH Ô Đ**

## TĂNG CAO CÔNG TRÌNH

